

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

---



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA**  
**THEO MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC**  
**NGÀNH QUẢN LÝ BIỂN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

**Hà Nội, năm 2020**

## MỤC LỤC

<b>1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo</b> .....	1
1.1 Một số thông tin về chương trình đào tạo .....	1
1.2. Mục tiêu đào tạo .....	1
<b>2. Chuẩn đầu ra</b> .....	2
2.1. Kiến thức .....	2
2.2. Kỹ năng .....	3
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm .....	3
<b>3. Khối lượng kiến thức toàn khoá</b> .....	4
<b>4. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh</b> .....	4
<b>5. Điều kiện tốt nghiệp</b> .....	4
<b>6. Nội dung chương trình</b> .....	4
6.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo.....	4
6.2. Chương trình đào tạo.....	5
6.3 Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ) .....	50
<b>7. Hướng dẫn thực hiện chương trình</b> .....	53

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA THEO MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH QUẢN LÝ BIỂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

## 1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

### 1.1 Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
  - Tiếng Việt: **Quản lý biển**
  - Tiếng Anh: **Marine Management**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Quản lý biển**
- Mã số: **7850199**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Vừa làm vừa học**
- Hình thức đào tạo: **Từ xa theo mô hình học tập kết hợp**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
  - Tiếng Việt: **Cử nhân Quản lý biển**
  - Tiếng Anh: **Bachelor of Marine Management**

### 1.2. Mục tiêu đào tạo

#### 1.2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo từ xa theo mô hình học tập kết hợp (CTĐTXXKH) trình độ đại học hệ vừa làm vừa học ngành Quản lý biển đào tạo cử nhân Quản lý biển có kiến thức cơ sở, chuyên môn và kỹ năng thực hành, có đủ năng lực và trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về quản lý biển, bao gồm vùng bờ biển, hải đảo và đại dương, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội biển bền vững, góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển của Tổ quốc.

#### 1.2.2 Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân Quản lý biển đạt được các kiến thức, kỹ năng sau:

+ Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý nhà nước về biển; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong quản lý biển để phát triển kiến thức mới; có kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến quản lý biển.

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý biển;

+ Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các chủ đề chính trong công việc ngành quản lý biển; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý biển thường gặp; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công tác quản lý biển.

+ Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khoẻ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

+ Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1. Kiến thức**

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng:

- Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng.

- Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên, kỹ thuật cơ sở làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

- Hiểu được các kiến thức cơ sở ngành như các quá trình động lực trong đại dương, các tính chất lý hóa cơ bản của khối nước đại dương, khí hậu, khí tượng.

- Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, so sánh được tầm quan trọng các nguồn tài nguyên biển như sinh vật biển, năng lượng khoáng sản và du lịch biển; các kiến thức về kinh tế tài nguyên và môi trường biển.

- Nắm vững và áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; Giao thông trên biển và hàng hải; Các quá trình địa chất, địa mạo biển, động lực đới bờ; Các hình thức quản lý, chu trình quản lý và công cụ quản lý nói chung và quản lý biển nói riêng (pháp luật, chính sách, kinh tế, kỹ thuật,...).

- Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành như: Công tác quản lý nhà nước về biển Việt Nam, phân biệt được quản lý nhà nước theo ngành và quản lý nhà nước tổng hợp về biển và hải đảo; các vấn đề chủ quyền, an ninh và hợp tác trên biển.

- Nắm vững các kiến thức về quan trắc, giám sát, đánh giá, kiểm soát môi trường biển, kiểm toán và thanh tra môi trường biển, phân tích và đánh giá được mức độ tổn thương với thiên tai và sự cố môi trường biển, biến đổi khí hậu.

- Vận dụng các kiến thức đã học thành thạo các bước tiến hành quy hoạch không gian biển và vùng bờ, nắm rõ các khái niệm phân vùng và quy hoạch, tiếp cận dựa vào vùng hệ sinh thái và vùng quy hoạch

- Nắm vững các kiến thức về hệ thống đảo Việt Nam cũng như các thách thức và cơ hội trong quản lý hệ thống đảo Việt Nam.

- Áp dụng được các kiến thức chuyên ngành trong tìm kiếm, phân tích và tổng hợp, xây dựng đề cương, lập kế hoạch thực hiện, biên soạn báo cáo và làm khóa luận tốt nghiệp.

- Kiến thức Tiếng Anh và Tin học:

+ Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Sử dụng được Internet và một số phần mềm chuyên ngành: Vilis 2.0; Famis; Microstation and Mapping office...

## **2.2. Kỹ năng**

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có các kỹ năng:

- Có khả năng vận dụng thành thạo công tác đo đạc, quan trắc các yếu tố thủy khí động lực, môi trường, sinh học nhằm phân tích, đánh giá, xử lý các nguồn dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý.

- Có khả năng vận dụng thành thạo trong phân tích tổng hợp, xử lý các nguồn thông tin về tài nguyên và môi trường biển như khoáng sản, năng lượng và du lịch biển... phục vụ công tác quản lý biển.

- Có khả năng vận dụng thành thạo các văn bản pháp quy về việc xây dựng pháp luật, hoạch định chính sách và hỗ trợ ra quyết định trong các vấn đề về quản lý, quy hoạch, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

- Có khả năng xây dựng, quản lý và vận hành các dự án trong quản lý tài nguyên và môi trường biển; Có kỹ năng phân tích lợi ích và chi phí hiệu quả đối với tài nguyên môi trường biển nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

- Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.

- Có kỹ năng giao tiếp: Có khả năng lập luận sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức.

- Có kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng.

- Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng.

## **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý biển;

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý biển;

- Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý biển và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý biển.

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 133 TC

#### 4. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- *Đối tượng tuyển sinh*: Đối tượng tham gia tuyển sinh VLVH được thực hiện theo quy định của quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- *Tiêu chí tuyển sinh*: Theo Quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

- *Phương thức tuyển sinh*: Xét tuyển học bạ trung học phổ thông hoặc tương đương

- Tuyển sinh đào tạo VLVH được tổ chức từ 1 đến 2 lần/năm, vào tháng 5,6 và tháng 10,11 hàng năm

#### 5. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

#### 6. Nội dung chương trình

##### 6.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Hình thức đào tạo	
		Trực tiếp 15	Từ xa 128
Trong đó:			
- <b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b> (Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN)	<b>38</b>		<b>38</b>
+ <i>Bắt buộc</i>	(34)		(34)
+ <i>Tự chọn</i>	(04)		(04)
- <b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>95</b>	<b>15</b>	<b>80</b>
• Kiến thức cơ sở ngành	37	3	34
+ <i>Bắt buộc</i>	(31)	(3)	(28)
+ <i>Tự chọn</i>	(6)		(6)
• Kiến thức ngành	46		46
+ <i>Bắt buộc</i>	(37)		(37)
+ <i>Tự chọn</i>	(9)		(9)
• Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12	12	

## 6.2. Chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
<b>I.</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>38</b>					<b>38</b>
<b>I.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>11</b>					<b>11</b>
LCML2101	1. Triết học Mác - Lênin	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và giải thích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin và vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.	3	30	15	90		3
LCML2102	2. Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác –	2	20	10	60		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay; vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác.						
LCML2103	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học; vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã	2	20	10	60		2



Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		hội ở nước ta.						
LCTT2104	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Vận dụng sáng tạo lí luận và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn; tự giác làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.	2	21	9	60		2
LCLS2105	5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu	2	21	9	60		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay). Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.						
<b>I.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>		<b>4</b>					<b>4</b>
LTPL2101	6. Pháp luật đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói	2	20	10	60		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		chung và nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế						
KTQU2151	7. Kỹ năng mềm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối	2	20	10	60		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.						
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>8</b>					<b>8</b>
NNTA2101	8. Tiếng Anh 1	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể phát âm thành thạo vốn từ đã học. Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản	3	8	37	90		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có các kỹ năng đọc, nghe, nói, viết.						
NNTA2102	9. Tiếng Anh 2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở	3	5	40	90		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		mức độ tiên trung cấp.						
NNTA2103	10. Tiếng Anh 3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...; Phương pháp thuyết trình khoa học và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp	2	5	25	60		2
<b><i>I.4</i></b>	<b><i>Khoa học tự nhiên - Tin học</i></b>		<b><i>15</i></b>					<b><i>15</i></b>
<b><i>I.4.1</i></b>	<b><i>Bắt buộc</i></b>		<b><i>11</i></b>					<b><i>11</i></b>
KĐTO2101	11. Toán cao cấp 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và hiểu	3	27	18	90		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		được kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành Tài nguyên và Môi trường hệ đại học và trình độ cao hơn. Có kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp.						
KĐTO2102	12. Toán cao cấp 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày và hiểu được kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành	2	15	15	60		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		của ngành Tài nguyên và Môi trường hệ đại học và trình độ cao hơn. Có kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp.						
CTKH2151	13. Tin học đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng,... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Thành thạo các ứng dụng văn phòng, sử dụng internet.	2	19	11	60		2



Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
KĐHO2101	14. Hóa học đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo.	2	16	14	60		2
KĐTO2106	15. Xác suất thống kê	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất, các bài toán ước lượng mẫu. Phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản về nhận dạng,	2	15	15	60		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình.						
I.4.2	Tự chọn		4/6					4/6
GGO101	16. Cơ sở địa lý biển và đại dương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về quy luật địa lý xảy ra trong lớp vỏ địa lý đại dương và các đặc điểm hoạt động của chúng, cũng như những nét cơ bản về tài nguyên của biển và đại dương, bao gồm cả của Biển Đông.	2	24	6	90		2
MTQM2301	17. Cơ sở Khoa học môi trường	Sinh viên có được các khái niệm cơ bản về môi trường và phát triển bền vững. Nguồn gốc và	2	20	10	90		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		các tác động của các chất ô nhiễm đối với môi trường, các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm.						
KĐTO2107	18. Phương pháp tính	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm kiến thức cơ bản về các phương pháp giải bài toán xấp xỉ hàm (nội suy, xấp xỉ trung bình phương), tính gần đúng đạo hàm và tích phân, giải các loại phương trình (phương trình đại số và siêu việt, hệ phương trình đại số tuyến tính, bài toán Cauchy và bài toán biên cho phương trình vi phân thường và	2	18	12	90		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		phương trình đạo hàm riêng, phương trình tích phân).						
<b>I.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>	Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn: * Phần bắt buộc (3TC): Thẻ dục, điền kinh 1 và điền kinh 2 * Phần tự chọn SV chọn một trong các môn học sau Bóng chuyền 1 Bóng chuyền 2; Cầu lông 1 và Cầu lông 2; Bơi lội 1 và Bơi lội 2; Bóng rổ 1 và Bóng rổ 2	<b>5</b>				<b>5</b>	
<b>I.6</b>	<b>Giáo dục Quốc phòng-an ninh</b>	Bao gồm 4 học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	<b>8</b>				<b>4</b>	<b>4</b>

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>95</b>				<b>15</b>	<b>80</b>
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>37</b>				<b>3</b>	<b>34</b>
<b>II.1.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>31</b>				<b>3</b>	<b>28</b>
GMS103	19. Cơ sở Khoa học quản lý	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về quản lý, hình thức và phương thức quản lý. Giới thiệu khái quát lịch sử khoa học quản lý; Các loại hình quản lý: quản lý nhà nước, quản lý ngành, hành chính nhà nước,... Phương pháp quản lý; Quản lý và quản lý nhà nước ở VN.	3	31	14	135		3
KBQB2301	20. Kinh tế biển và hàng hải	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm	3	33	12	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		được những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên biển và kinh tế môi trường biển, kinh tế cảng biển. Những đặc trưng, các hình thức tổ chức trong hàng hải biển. Các chứng từ liên quan đến hàng hoá vận chuyển bằng đường biển, nội dung các loại hợp đồng liên quan đến hàng hải biển,						
GOC101	21. Hải dương học đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về cấu tạo vật chất, hình dạng địa hình của đáy đại dương, các tính chất lí hoá cơ bản của	3	33	12	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		khối nước đại dương; sự trao đổi nhiệt và xáo trộn của nước trong hệ thống đại dương-khí quyển; các quá trình động lực trong đại dương.						
MCH403	22. Hóa học biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về thành phần hoá học nước biển, các quá trình thành tạo, tồn tại, biến đổi và mối tương tác của các hợp phần hoá học trong biển dưới ảnh hưởng của các quá trình vật lý, hoá học, sinh học hải dương.	2	21	9	90		2
MNR403	23. Cơ sở tài nguyên và	Sau khi kết thúc học phần,	3	21	9	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
	môi trường biển*	sinh viên phân tích được đặc điểm của nước biển và thạch quyển dưới đáy các đại dương; Phân tích và so sánh được ảnh hưởng của các nguồn ô nhiễm đến môi trường biển. Đồng thời, phân tích và so sánh được tầm quan trọng của các nguồn tài nguyên biển như sinh vật biển, năng lượng, khoáng sản và du lịch biển,... Từ đó, đưa ra được các biện pháp khắc phục, bảo tồn tài nguyên và môi trường biển.						
GMG402	24. Cơ sở địa chất biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức	2	19	11	90		2



Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		<p>cơ bản về nhân tố và các quá trình địa chất địa mạo biển, đặc điểm hình thái đáy đại dương, hình thái động lực đới bờ.</p>						
KBQB2302	25. Khí tượng thủy văn biển đại cương	<p>Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phân tích được ý nghĩa của các phương trình trạng thái của không khí, phương trình tĩnh học cũng như các công thức khí áp,...; Giải thích được sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí; Sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng</p>	2	23	7	90		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		sông ảnh hưởng thủy triều						
KBQB2303	26. Năng lượng tái tạo biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản của các dạng năng lượng mới bao gồm: cơ sở hình thành, khai thác và sử dụng hiệu quả các dạng năng lượng mới	2	20	10	90		2
KBQB2304	27. Quản lý nguồn lợi hải sản	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức về đa dạng thành phần loài thủy sinh vật trong biển và vùng ven bờ; sự phân bố thành phần loài, nguồn lợi hải sản theo các vùng địa lý, vùng sinh thái; tiềm năng nguồn lợi hải sản và thực	3	21	9	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		trạng khai thác hải sản trên thế giới và ở Việt Nam; vận dụng vào bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản.						
KBQB2305	28. Tin học ứng dụng trong quản lý biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng các kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực viễn thám, hệ thống thông tin địa lý vào quản lý biển và hải đảo.	3	21	9	135	3	
GCE403	29. Cơ sở kỹ thuật bờ biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản nhất về cơ sở kỹ thuật bờ biển. Sinh viên biết cách phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở kỹ thuật bờ	3	31	14	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		biển được học áp dụng cho đưa ra những nhận xét đánh giá chung về các yếu tố động lực học biển.						
GGM402	30. Cơ sở trắc địa và bản đồ biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về quy trình thành lập bản đồ và sử dụng trong khảo sát thiết kế, thi công công trình biển	2	24	6	90		2
<i>II.1.2</i>	<i>Tự chọn</i>		<i>6/9</i>					<i>6/9</i>
KBQB2405	31. Sinh thái và bảo tồn biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm vững các khái niệm cơ bản về sinh thái biển (quần thể, quần xã hệ sinh thái biển), đa dạng sinh học biển (các khái niệm, định nghĩa, những giá trị	3	35	10	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		mà đa dạng sinh học biển đem lại cho môi trường và con người,..); đa dạng sinh học các hệ sinh thái biển đặc trưng (rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn); về sự mất đa dạng sinh học biển, nguyên nhân và sự tuyệt chủng các loài (do mất nơi cư trú, nơi cư trú bị ô nhiễm, khai thác quá mức, sự du nhập của các loài ngoại lai hay sự lây lan của bệnh dịch,...); Tính cấp thiết của việc bảo tồn đa dạng sinh học biển, các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, vấn đề bảo tồn						

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		và kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học biển ở Việt Nam; Hệ thống các khu bảo tồn biển Việt Nam						
MRE203	32. Quản lý tài nguyên và môi trường biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt những kiến thức cơ bản về kinh tế như thị trường, phúc lợi xã hội, ngoại ứng, hàng hóa công cộng, quyền tài sản,...; Những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên biển và kinh tế môi trường biển, hiểu được các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; Trang bị những kiến	3	37	8	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		thức cơ bản về phân tích chi phí-lợi ích, chi phí hiệu quả đối với tài nguyên và môi trường biển; Lượng giá tài nguyên biển.						
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>46</b>					<b>46</b>
<b>II.2.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>37</b>					<b>37</b>
MSM203	33. Quản lý nhà nước về biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về vai trò và chức năng của biển và đại dương với đời sống Trái đất và nhân loại. Vị trí địa chính trị, địa kinh tế và địa văn hóa của biển Đông và vị thế của biển Việt Nam. Tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo	3	38	7	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		vệ môi trường biển. Các cơ hội và thách thức đối với công tác QLNN về biển, bao gồm các tác động của thiên tai và nhân tai, cũng như nhu cầu phải quản lý nhà nước về biển Việt Nam. Phân biệt quản lý nhà nước theo ngành và quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo.						
IMO203	34. Quan trắc tổng hợp môi trường biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về quan trắc, giám sát, đánh giá, kiểm soát, kiểm toán và thanh tra môi trường	3	36	9	135		3



Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		<p>biển, cũng như cách tiếp cận tổng hợp trong quan trắc môi trường biển. Giới thiệu khái quát các học phần của môi trường biển và đặc trưng cơ bản của nó: nước biển, trầm tích đáy biển và học phần sinh học biển. Phân biệt các kiểu quan trắc môi trường biển: môi trường nền, quan trắc tác động, quan trắc xu thế thay đổi chất lượng các học phần môi trường biển. Cung cấp các nguyên tắc và các bước cơ bản trong thiết kế, thực hiện và đánh giá một chương trình/kế hoạch</p>						

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		quan trắc tổng hợp môi trường biển.						
ICM203	35. Quản lý tổng hợp vùng bờ biển*	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về đới bờ, vùng bờ và thuộc tính của chúng, vùng bờ quản lý; tầm quan trọng của vùng bờ, các vấn đề kinh tế-xã hội ở vùng bờ và thể chế-chính sách quản lý hiện hành. Trên cơ sở đó xác định nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ biển (QLTHVB). Các nguyên tắc và chu trình QLTHVB, nội dung và sản phẩm đầu ra của QLTHVB.	3	32	13	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		Cách thức tiến hành xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB cụ thể, các công cụ thường áp dụng trong QLTHVB. Giới thiệu các bài học kinh nghiệm QLTHVB trên thế giới và thực trạng hoạt động QLTHVB ở Việt Nam.						
MSP203	36. Quy hoạch sử dụng không gian biển*	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về quy hoạch không gian biển và vùng bờ (CMSP) và cách tiếp cận từng bước khi thực hiện một chu trình CMSP. Phân biệt các khái niệm cơ bản	3	40	5	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		<p>như phân vùng và quy hoạch, tiếp cận dựa vào vùng và hệ sinh thái (area-based và ecosystem-based approaches), và vùng quy hoạch (planned area). Giới thiệu các nguyên tắc và chu trình CMSP, nội dung và sản phẩm đầu ra của CMSP. Các công cụ thường áp dụng trong quá trình triển khai CMSP. Lấy ví dụ một số bài học kinh nghiệm về CMSP trên thế giới, cũng như đánh giá nhu cầu và thực tế áp dụng CMSP ở VN.</p>						
MPM203	37. Quản lý	Sau khi kết	3	29	16	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
	và Kiểm soát ô nhiễm biển*	thức học phần, sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường biển, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, phương pháp quản lý nguồn thải, xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường biển; các sự cố môi trường biển và phương pháp quản lý sự cố môi trường biển; các vấn đề trong tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của vừa làm vừa học và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển và cách giải quyết.						

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
MED203	38. Quản lý Thiên tai và Tai biến môi trường biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được kiến thức cơ bản về thiên tai và tai biến môi trường biển, rủi ro thiên tai và tai biến môi trường biển; tính dễ bị tổn thương của các vùng biển và ven biển do thiên tai và tai biến môi trường biển; Các giải pháp quản lý để giảm thiểu rủi ro và tính dễ bị tổn thương do thiên tai và tai biến môi trường biển.	3	34	11	135		3
KBQB2506	39. Quản lý dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được phương pháp điều tra thu thập thông tin, xử lý thông tin	2	20	10	90		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		và biết xây dựng, tổ chức thực hiện, quản lý dự án thuộc lĩnh vực quản lý biển đảo,						
CCV404	40. Khí hậu Việt Nam và biến đổi khí hậu	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được và so sánh được ảnh hưởng của những nhân tố hình thành khí hậu đến một số yếu tố và hiện tượng khí hậu cơ bản theo không gian và thời gian; Hiểu rõ nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay; Kịch bản về phát thải khí nhà kính, về sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng;	3	34	11	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, kịch bản và tác động của nó tới kinh tế xã hội; những giải pháp ứng phó chủ yếu.						
ISM203	41. Quản lý hệ thống đảo của Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được các kiến thức cơ bản về đảo, quần đảo và hệ thống đảo ở Việt Nam; phân loại hệ thống đảo theo các tiêu chí; các đặc trưng cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường của đảo, quần đảo và hệ thống đảo. Khái quát về tình hình kinh tế-xã hội các huyện đảo; vai trò và vị trí địa	3	32	13	135		3



Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		kinh tế, địa chính trị của hệ thống đảo Việt Nam.						
SEN203	42. Tiếng Anh chuyên ngành	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được những bài học tiếng Anh về thủy văn đại cương, lũ lụt, dự báo lũ lụt và cách phòng tránh, chất lượng nước và quản lí tài nguyên nước. Sinh viên sau khi học có một vốn từ vựng đủ để tìm hiểu, tham khảo các vấn đề chuyên ngành, dịch được các văn bản chuyên ngành.	3	14.5	26.5	135		3
MTQM2504	43. Đánh giá tác động môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được nội dung và phương pháp	2	20	10	90		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		đánh giá môi trường áp dụng đối với các hoạt động phát triển kinh tế xã hội.						
ICS204	44. Khảo sát khí tượng thủy văn biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nhận biết được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và cách sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng các thiết bị đo khí tượng theo Quy phạm quan trắc khí tượng, thủy văn và hải văn. Sinh viên tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đo khí tượng và lắp đặt các thiết bị đo tại trạm khí tượng, thủy	3	33	12	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		văn và hải văn thành thạo.						
GIS403	45. Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản; Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả vào một vấn đề cụ thể; Vận dụng phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám kết hợp với phần mềm của GIS để tạo ra một sản phẩm	3	29	16	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		cụ thể.						
II.2.2	Tự chọn		9/11					9/11
VSS204	46. Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được bản chất và hiện trạng các tranh chấp về chủ quyền và các vùng biển chồng lấn trên Biển Đông; quan điểm, lập trường các bên tranh chấp; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết hoà bình các tranh chấp trên Biển Đông.	2	23	7	90		2
VCM304	47. Hợp tác trong quản lý và khai thác Biển Đông	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được khái niệm cơ bản, cơ sở pháp lý và các lĩnh vực hợp tác quốc tế trên Biển Đông.	3	29	16	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
VSM204	48. An toàn và an ninh trên biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được khái niệm cơ bản, cơ sở pháp lý và các lĩnh vực đảm bảo an ninh, an toàn trên biển	2	21	9	90		2
ASP204	49. Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm vận dụng được các quy luật phân bố, truyền tải vật chất ô nhiễm trong các điều kiện khí quyển và môi trường nước biển khác nhau để vận hành các mô hình dự báo ô nhiễm. Môn học trình bày những kiến thức về mô hình hoá toán, vật lý được ứng dụng để mô hình hoá lớp biên	2	21	9	90		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		<p>khí quyển và lớp nước tầng nông ở biển nhằm đánh giá sự lan truyền và dự báo chất ô nhiễm phát thải từ các nguồn điểm. Vận dụng các kiến thức cơ bản về mô hình toán để tìm hiểu các mô hình mô phỏng quá trình lan truyền ô nhiễm trong khí quyển và mô hình lan truyền ô nhiễm dầu trong các vùng nước biển. Sinh viên hướng tới các kỹ năng khai thác các mô hình dự báo ô nhiễm điểm và ô nhiễm trường khi phải tiếp cận các bài toán đánh giá ô</p>						

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		nhiệm từ một điểm và ô nhiễm từ nhiều điểm khác tới khu vực nghiên cứu.						
IHY204	50. Thủy văn đảo	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được khái niệm và các đặc trưng của đảo; Những vấn đề thủy văn đảo; Chế độ đặc điểm của mưa, bốc hơi và tài nguyên nước mưa; Chế độ đặc điểm của thủy văn nước mặt, nước dưới đất và tài nguyên nước đảo; Các đặc điểm về thủy triều và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến thủy văn và tài nguyên nước đảo.	2	36	9	135		2

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
OTG204	51. Công nghệ điều tra, kiểm soát biên và đại dương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được vai trò, vị trí và định hướng nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công biển và đại dương; Giúp sinh viên hiểu biết các khái niệm về nghiên cứu khoa học – công nghệ biển; khái niệm về kỹ thuật, công nghệ và phân loại công nghệ biển và đại dương; nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ biển và đại dương. Lịch sử phát triển công nghệ biển và đại dương trên thế	2	29	1	90		2



Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		giới và ở Việt Nam. Giới thiệu các loại công nghệ trong các lĩnh vực chủ yếu, như: công nghệ áp dụng trong nghiên cứu khoa học biển; trong điều tra cơ bản và tổng hợp biển; trong thám hiểm đại dương, trong khai thác các mỏ biển, trong phát triển năng lượng biển.						
<b>II.3</b>	<b>Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>12</b>				<b>12</b>	
POG209	52. Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên sẽ đi thực tập tại các Cơ quan, ban ngành và nắm bắt các kiến thức liên quan đến lĩnh vực Tài nguyên môi trường biển, Viện nghiên cứu	6		90		6	

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		Biển và Hải đảo.						
GRH209	53. Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên nắm bắt được cách tư duy phân tích tìm kiếm tài liệu, lựa chọn đề tài, đặt bài toán, xây dựng đề cương nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện, thực hiện, biên soạn khóa luận và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên biết tìm kiếm tài liệu, tổng quan, phân tích lựa chọn đề tài phù hợp với bản thân và sự phát triển của lĩnh vực mình quan tâm; Biết đặt bài toán, xây dựng được đề cương chi tiết, lập kế hoạch thực	6		90		6	

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		hiện và thực hiện đề cương theo kế hoạch đặt ra. Biên soạn được báo cáo khóa luận tốt nghiệp và biết cách bảo vệ thành công.						
	<i>Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>		<b>6</b>					<b>6</b>
CEN203	54. Kỹ thuật công trình bờ biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được kiến thức về bờ biển Việt Nam; sự cần thiết bảo vệ bờ biển; các yêu cầu chung đối với công trình bảo vệ bờ; giải pháp bảo vệ bờ biển và công trình bảo vệ bờ.	3	38	7	135		3
CMO203	55. Hình thái bờ biển	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm bắt được kiến thức cơ bản	3	33	12	135		3

Mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (Tóm tắt)	Tổng số TC	Khối lượng kiến thức (giờ)			Hình thức đào tạo	
				LT	TL, TH, TT	Tự học	Trực tiếp	Từ xa
		nhất về hình thái bờ biển; Sóng và mực nước dòng chảy; Quá trình động lực học bờ biển.						
	<b>Tổng cộng</b>		<b>133</b>					

### 6.3 Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>									
<b>I.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>									
1	Triết học Mác - Lênin	LCML2101	3							
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin	LCML2102		2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML2103		2	2					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT2104			2					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LCLS2105				2				
<b>I.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>									
6	Pháp luật đại cương	LTPL2101		2						
7	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2							
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>									
8	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3							

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kì							
			1	2	3	4	5	6	7	8
9	Tiếng Anh 2	NNTA2102		3						
10	Tiếng Anh 3	NNTA2103			2					
<b>I.4</b>	<b>Khoa học tự nhiên - Tin học</b>									
<i>I.4.1</i>	<i>Bắt buộc</i>									
11	Toán cao cấp 1	KĐTO2101	3							
12	Toán cao cấp 2	KĐTO2102		2						
13	Tin học đại cương	CTKH2151	2							
14	Hóa học đại cương	KĐHO2101	2							
15	Xác suất thống kê	KĐTO2106		2						
<i>I.4.2</i>	<i>Tự chọn</i>		2/6	2/6						
16	Cơ sở địa lý biển và đại dương	GGO101	2							
17	Cơ sở Khoa học môi trường	MTQM230 1		2						
<b>I.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		1	1	1	2				
<b>I.6</b>	<b>Giáo dục Quốc phòng-an ninh</b>		8							
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>									
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>									
<i>II.1.1</i>	<i>Bắt buộc</i>									
18	Cơ sở Khoa học quản lý	GMS103				3				
19	Kinh tế biển và hàng hải	KBQB2301				3				
20	Hải dương học đại cương	GOC101		3						
21	Hóa học biển	MCH403			2					
22	Cơ sở tài nguyên và môi trường biển	MNR403			3					
23	Cơ sở địa chất biển	GMG402			2					

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kì							
			1	2	3	4	5	6	7	8
24	Khí tượng thủy văn biển đại cương	KBQB2302			2					
25	Năng lượng tái tạo biển	KBQB2303				2				
26	Quản lý nguồn lợi hải sản	KBQB2304					3			
27	Tin học ứng dụng trong quản lý biển	KBQB2305					3			
28	Cơ sở kỹ thuật bờ biển	GCE403				3				
29	Cơ sở trắc địa và bản đồ biển	GGM402				2				
<i>II.1.2</i>	<i>Tự chọn</i>					3/9			3/9	
30	Sinh thái và bảo tồn biển	KBQB2405				3				
31	Quản lý tài nguyên và môi trường biển	MRE203							3	
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>									
<i>II.2.1</i>	<i>Bắt buộc</i>									
32	Quản lý nhà nước về biển	MSM203					3			
33	Quan trắc tổng hợp môi trường biển	IMO203						3		
34	Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	ICM203						3		
35	Quy hoạch Sử dụng không gian biển	MSP203						3		
36	Quản lý và Kiểm soát ô nhiễm biển	MPM203						3		
37	Quản lý Thiên tai và Tai biến môi trường biển	MED203						3		
38	Quản lý dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo	KBQB2506						2		
39	Khí hậu Việt Nam và biến đổi khí hậu	CCV404			3					
40	Quản lý hệ thống đảo của	ISM203					3			

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kì							
			1	2	3	4	5	6	7	8
	Việt Nam									
41	Tiếng Anh chuyên ngành	SEN203					3			
42	Đánh giá tác động môi trường	MTQM250 4							2	
43	Khảo sát khí tượng thuỷ văn biển	ICS204							3	
44	Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	GIS403					3			
<i>II.2.2</i>	<i>Tự chọn</i>								9/11	
45	Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam	VSS204							2	
46	Hợp tác trong quản lý và khai thác Biển Đông	VCM304							3	
47	An toàn và an ninh trên biển	VSM204							2	
48	Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển	ASP204							2	
<i>II.3</i>	<i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</i>									
49	Thực tập tốt nghiệp	POG209								6
	Khóa luận tốt nghiệp	GRH209								6
50	<i>Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>									
51	Kỹ thuật công trình bờ biển	CEN203								3
52	Hình thái bờ biển	CMO203								3
	<b>Tổng cộng (*) 133</b>		17	18	16	18	18	17	17	12

Ghi chú: (\*) Không kể GDTC và GDQP-AN

### 7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc khóa luận, khóa luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang

điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Chương trình đào tạo đại học vừa làm vừa học này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2020.